

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2026
“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huỳnh Ninh Hải

2. Bà Lê Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Trung Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Bích N, sinh năm 2000;

Căn cước công dân số: 072300004010;

Thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1998;

Căn cước số: 072098002725;

Cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, anh N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Bích N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N1 chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh N1 không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Vợ chồng nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để cuộc sống được hạnh phúc hơn nhưng không được. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2025 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh N1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 25/11/2021, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm việc, bị đơn anh Nguyễn Văn N1 trình bày:

Quá trình vợ chồng chung sống, kết hôn như chị N trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, anh không quan tâm vợ con nên làm vợ con buồn, vợ chồng không hạnh phúc, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay chị N có yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung như chị N trình bày là đúng, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo quy định tại các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Bích N với anh Nguyễn Văn N1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 25/11/2021 cho chị N nuôi dưỡng, anh N1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Bích N nộp đơn khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn N1; anh N1 cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh thụ lý vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N, anh N1 có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Bích N và anh Nguyễn Văn N1 chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh N1 không quan tâm, chăm lo cho gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng. Vợ chồng nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để cuộc sống được hạnh phúc hơn nhưng không được, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2025 đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn với anh N1. Anh N1 thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, anh thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị N có yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 25/11/2021, anh chị thống nhất giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh N1 không cấp dưỡng nuôi con, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Bùi Bích N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Bích N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn N1.

Về hôn nhân: Chị Bùi Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú Q, sinh ngày 26/5/2019 và cháu Nguyễn Ngọc N2, sinh ngày 25/11/2021 cho chị Bùi Bích N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn N1 không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Bích N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003422 ngày 24/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Bích N, anh Nguyễn Văn N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 –Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- P THADS khu vực 12 – Tây Ninh;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Văn